

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - những luận điểm sáng tạo

TS LÊ THỊ THÚY BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Email: thuybinhbctt25@gmail.com

Nhận ngày 19 tháng 9 năm 2019; chấp nhận đăng ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Tóm tắt: Trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn dân nhiều tác phẩm lý luận lớn, trong đó có năm tác phẩm được tôn vinh là Bảo vật quốc gia. Mỗi tác phẩm quý báu đó đều có giá trị soi đường cho cách mạng Việt Nam nhưng **Di chúc** vẫn chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Đó không chỉ là sự tổng kết ngắn gọn về cách mạng Việt Nam và sự phác thảo tương lai dân tộc mà còn là nơi tỏa sáng một nhân cách với triết lý ở đời và làm người cao cả của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. Đọc **Di chúc**, chúng ta thấy được tầm nhìn, tài năng của một trí tuệ thiên tài khi nêu ra những luận điểm hết sức độc đáo, sáng tạo về cách mạng Việt Nam. Quan trọng hơn, bao trùm lên những luận điểm sáng tạo đó là tấm lòng vĩ đại, bao la của một nhà nhân văn chủ nghĩa, một con người giàu lòng yêu nước, thương dân.

Từ khóa: Di chúc; Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Abstract: Before passing away, President Ho Chi Minh left the Party and the people several great theoretical works, five of which are recognized as National treasure. Each of His works shed the light on the path of Vietnam revolution, among which His Will has significant importance. It is not only a concise summary of Vietnam revolution and the outline of nation future but also the brilliant expression of a character and living philosophy of the great cultural figure Ho Chi Minh. The Will demonstrated the vision and talent of a great person as it presented unique and creative ideas about Vietnam revolution. More importantly, they are condensed with the great heart of a Person, who is full of love for the country and people.

Keywords: Will; President Ho Chi Minh.

Đã nửa thế kỷ trôi qua kể từ khi được công bố, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là một văn kiện lịch sử đặc biệt, một tác phẩm nghệ thuật vô giá, kết tinh tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại, đem lại niềm kiêu hãnh, tự hào và đánh thức khát vọng tự hoàn thiện trong mỗi người dân đất Việt. *Di chúc* là một chương trình hành

động đấu tranh giải phóng dân tộc, cải tạo, xây dựng, tái thiết và đổi mới đất nước sau khi thống nhất, giang sơn thu về một mối. *Di chúc* chứa đựng và bao quát tinh thần *đổi mới, phát triển* như là hạt nhân cốt lõi của phương pháp hành động biện chứng và cũng là đặc trưng nổi bật trong phong cách tư duy của Người. Xét về mặt lý luận, công cuộc đổi mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản khởi xướng và lãnh đạo không

phải là ngẫu nhiên, mà phải được chuẩn bị và xuất phát từ những tiền đề tư tưởng trước đó, là sự tiếp nối hợp logic dòng chảy liền mạch tư tưởng Hồ Chí Minh - tư tưởng của toàn bộ tiến trình đổi mới. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một công trình lý luận tổng kết với các luận điểm độc đáo, sáng tạo và ở tầm khái quát cao độ. Những luận điểm điển đạt trong *Di chúc* đạt đến chiều sâu của các *sáng tạo văn hóa*.

Thứ nhất, sáng tạo trong nhận định khả năng thắng lợi của nhân dân Việt Nam trước đế quốc Mỹ hùng mạnh và giàu có nhất thế giới.

Giữa lúc cuộc chiến đấu còn đang diễn ra ác liệt, kẻ thù còn đang tiến hành bao thủ đoạn tàn ác, xảo quyệt với dã tâm “đưa Bắc Việt trở về thời kỳ đồ đá”, trong khi một số người nể sợ uy lực của vũ khí và đồng đô la của Hoa Kỳ, khuyên ta đàm phán hòa bình thì Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm sắt đá: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”⁽¹⁾. Niềm tin sắt đá ấy là sản phẩm của tinh thần lạc quan Người kế thừa từ truyền thống văn hóa dân tộc “chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo”, đồng thời là kết quả của tư duy biện chứng, cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề “biết người, biết ta”, nắm được quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Chỉ một câu nói ngắn gọn như vậy thôi đã làm toát lên khí phách, tinh thần lạc quan chiến thắng của một bậc *Đại Trí, Đại Nhân, Đại Dũng*. Người tin ở sức mạnh của nhân dân, của truyền thống oai hùng của dân tộc, ở sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng Cộng sản, ở sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế và cao hơn tất cả, Người tin vào sự chiến thắng tất yếu của điều thiện, chính nghĩa và chân lý. Trong lịch sử phát triển nhân loại, cái ác, cái xấu, trong những lúc, những nơi nào đó có thể nhất thời thắng thế nhưng cuối cùng chiến thắng tất yếu sẽ thuộc về cái tốt, cái thiện, lẽ phải, lương tri - vì đó là quy luật của lịch sử, không ai ngăn trở được. Hồ Chí Minh đã đem cái văn minh đối lập với cái dã man, Người thấu hiểu đến tận cùng sức mạnh, vai trò động lực của đạo lý, nhân tố tinh thần, ý chí, quyết tâm của cả một dân tộc trong tiến trình vận động lịch sử.

Khẳng định niềm tin tất thắng của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam, Hồ

Chí Minh có một lối diễn đạt điển hình, súc tích, khó ai có thể viết được đầy đủ nhưng lại ngắn gọn và hay hơn thế: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”⁽²⁾. Đây không còn là ngôn từ thuần túy nữa mà là niềm tin, khát vọng cháy bỏng, tình cảm thiêng liêng và chí hướng phấn đấu của toàn dân tộc. Dưới ngòi bút của Hồ Chí Minh, ngôn từ trở thành ý chí và tình cảm: Người nói với đồng bào mình bằng ngôn ngữ của trí tuệ và trái tim, và đồng bào cũng tiếp nhận những câu chữ đó bằng tình cảm và lương tri làm người. Do vậy, lời nói của Người trở thành *lời hiệu triệu*, thôi thúc con người hành động, lan tỏa và gắn kết những trái tim thành một *nhịp đập*. Bốn từ “*nhất định*” được lặp lại nhưng không thừa và không thể bỏ đi một từ nào cả, mỗi từ có vị trí và vai trò riêng. Từ “*phải*” và “*sẽ*” được Người dùng hết sức đặc địa, chỉ thị tương lai của hai đối tượng nhưng đều hướng tới một kết cục duy nhất: chiến thắng cuối cùng thuộc về nhân dân ta.

Thứ hai, sáng tạo trong quan điểm về Đảng cầm quyền và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Di chúc là tác phẩm duy nhất, trong đó Hồ Chí Minh chính thức sử dụng khái niệm Đảng cầm quyền với các tiêu chí rất cụ thể như là các phẩm chất sống còn của Đảng: đoàn kết thống nhất; vì nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ Tổ quốc; thực hành dân chủ rộng rãi; tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh; đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Những phẩm chất này làm nên tính ưu việt, sức mạnh và quyền uy, uy tín của Đảng trong nhân dân, đảm bảo cho Đảng nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, giữ vững vai trò cầm quyền trong toàn bộ tiến trình cách mạng nước ta.

Viết về tư cách của một Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh bốn lần dùng đến chữ “*thật*”, “*thật sự*” để so sánh hai trạng thái, sắc thái tư tưởng, nhất là hành động: thật và giả, chân thực và dối trá, làm và không làm: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng

là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽³⁾. Hai từ “*thật*”, “*thật sự*” được nhắc lại nhiều lần như một lời nhắc nhở mang tính quy luật, phổ biến: phải làm thường xuyên, liên tục, nếu không, Đảng khó lòng giữ nổi vai trò cầm quyền và vị trí lãnh đạo cách mạng của mình.

Những phẩm chất của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền không từ trên trời rơi xuống, không tự nhiên mà có, chúng được hình thành dần dần, được củng cố, làm thành nội dung *văn hóa Đảng* trong thực tiễn hoạt động cách mạng vô cùng phong phú, khó khăn nhưng cũng rất oanh liệt, hào hùng, thông qua việc làm thường xuyên là tự xây dựng, tự chỉnh đốn Đảng. Tự xây dựng, tự chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng ta. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh lo lắng đến tương lai, tiền đồ của dân tộc, sự tha hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên khi đã có chức, có quyền. Bởi vậy, Người chỉ rõ: “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”⁽⁴⁾. Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền theo Hồ Chí Minh, phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện trên cả bốn nội dung: tư tưởng, chính trị, tổ chức - cán bộ và đạo đức. Đây là luận điểm hết sức sáng tạo, được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, khẳng định lần *đầu tiên* tại Đại hội XII khi bổ sung thêm vấn đề đạo đức trong xây dựng Đảng: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”⁽⁵⁾. Có thể nói, đây chính là *điểm nổi bật* và được coi là *nhân thức mới* trong công tác xây dựng Đảng của Đại hội XII, thực chất chính là sự trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hiện nay, trong bốn nguy cơ lớn của đất nước có một nguy cơ liên quan tới Đảng, đó là sự suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, sự tha hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ có chức, có quyền. Nguy cơ này theo đánh giá của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng là căn bệnh nghiêm trọng đang đục khoét cơ thể sống của Đảng, làm cho Đảng suy yếu từ trong nội bộ, làm *suy giảm lòng tin* của quần chúng nhân

dân vào Đảng và nếu không khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng tới *nguy cơ tồn vong* của Đảng và chế độ. Trước khi đối phó với âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch, chúng ta phải tự đối phó với “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ Đảng, trong mỗi cán bộ, đảng viên - thứ “*giặc nội xâm*” đã được Hồ Chí Minh cảnh báo từ giữa thế kỷ trước. “*Chủ nghĩa cá nhân*” trong bối cảnh kinh tế thị trường đang biến tướng với nhiều biểu hiện tinh vi hơn, xảo quyệt hơn: tham nhũng, lãng phí, chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy dự án, lợi ích nhóm, gia đình trị, ... đòi hỏi cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân phải quyết liệt, đi vào thực chất hơn nữa. Mong muốn xây dựng “Đảng là đạo đức, là văn minh” lúc sinh thời của Hồ Chí Minh có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung và xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng này.

Thứ ba, sáng tạo trong quan niệm về vai trò và phát huy vai trò của nhân tố con người, nhân dân trong xây dựng và chấn hưng đất nước.

Kế thừa quan điểm của cha ông trong lịch sử dựng nước và giữ nước “*dĩ dân vi bản*”, “*dân vi quý*” và quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin - cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của con người, của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Nhưng trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và trong *Di chúc* nói riêng, quan niệm về vai trò của nhân tố con người, nhân dân vẫn thể hiện sự sáng tạo:

Một là, quan điểm của Hồ Chí Minh về dân, nhân dân, con người. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đánh giá rất cao vai trò của nhân dân, coi họ là chủ thể, là động lực của cách mạng. Tuy nhiên, trong quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, khái niệm “*dân*” chủ yếu chỉ bao gồm hai giai cấp công nhân và nông dân. Ở Việt Nam, Phan Bội Châu trong “*Hải ngoại huyết thư*” có nêu ra mười hạng người đồng tâm (phú hào, quan tước thế gia, lính tập, gia nô, côn đồ, nghịch tử, nhi nữ anh thư, bếp bồi thông kỹ, cừu gia tử đệ và sĩ) nhưng hai lực lượng quan trọng nhất là công, nông lại không nhắc gì đến. Dân theo quan điểm của Hồ Chí Minh có phạm vi rất rộng, là mọi giai tầng, lứa tuổi, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, không phân biệt “*già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý, tiện*”,

không chỉ là những người Việt Nam đang sinh sống trong nước, mà còn bao hàm cả cộng đồng người Việt đang sinh sống và định cư ở nước ngoài có tinh thần “ái quốc”, nguyện phấn đấu cho mục tiêu chung: độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no và hạnh phúc của nhân dân. Trong *Di chúc*, Người cũng nhắc đến nhân dân, con người với rất nhiều đối tượng như: cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, bộ đội, nông dân, liệt sĩ, ... Quan điểm này cho thấy tính triệt để, tính cách mạng và chiều sâu văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, coi nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tới việc bồi dưỡng sức dân, đề ra những kế hoạch *thiết thực và khả thi* để cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Đây là biểu hiện rõ nét chứng minh tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là tư tưởng nhân văn *hành động*. Xã hội phong kiến Việt Nam đề cao tư tưởng “thần dân”, “dân vi bản” nhưng người dân vẫn bị coi là “thần dân”, “thảo dân” chứ chưa trở thành “quốc dân”, “công dân”, là chủ nhân của chế độ mới. Chỉ sau Cách mạng tháng Tám 1945, người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ mới trở thành chủ nhân đất nước, cầm lá phiếu đi bầu cử, lần đầu tiên trong lịch sử thực hiện quyền công dân của mình. Với tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh khẳng định, để nhân dân thực sự *là chủ và làm chủ*, Đảng và Chính phủ “phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁽⁶⁾. Người căn dặn: “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁽⁷⁾, tức là nhắc nhở phải coi nhân tố con người là vấn đề *số một*, phải quan tâm đến chính sách xã hội đối với con người sau chiến tranh. Hồ Chí Minh đưa ra hàng loạt những chính sách khác nhau gắn liền và phù hợp với những đối tượng xã hội khác nhau để cải thiện và nâng cao đời sống của họ: với *những người đã dùng cam hy sinh một phần xương máu* của mình (cán bộ, chiến sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong, ...), “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”⁽⁸⁾; với các *liệt sĩ*, “mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt

sĩ, đề đòi đòi giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”⁽⁹⁾; với *cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ)* mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì “chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”⁽¹⁰⁾; với các chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong thì “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi CNXH ở nước ta”⁽¹¹⁾; với *phụ nữ* thì “cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”⁽¹²⁾; với những *nạn nhân của chế độ xã hội cũ*, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, ... thì “Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”⁽¹³⁾; với *nông dân*, thì “miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁽¹⁴⁾; ... Bày loại chính sách xã hội trên được Hồ Chí Minh nêu ra với nhiều nội dung rất chi tiết và cụ thể. Điều này thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới, khi không chỉ đề cao vai trò của con người mà còn phải tạo ra cơ chế, thiết chế, điều kiện để con người được phát triển toàn diện, được khẳng định, phát huy hết năng lực của mình. Cùng với chính sách cho từng đối tượng cụ thể, Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở và giao nhiệm vụ chính trị cho Đảng và Nhà nước về việc khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế, phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, củng cố quốc phòng, ... Thực hiện tốt điều này cũng chính là đã biết phát huy mọi nguồn lực vốn có trong nhân dân, trong mọi giai tầng xã hội, làm cho nước mạnh, dân giàu, sánh bước cùng thời đại. Vừa đề ra đường lối chiến lược, khái quát, vừa đề xuất những giải pháp *khả thi*, những kế hoạch *thiết thực*, quan tâm tới từng thân phận con người *cụ thể* cho thấy trí tuệ tài ba của nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh trên nền tảng của một trái tim nhân ái bao la.

Thú tư, sáng tạo ở khát vọng hình thành một loại hình văn hóa mới đảm bảo cơ sở tự nhiên bền vững cho cuộc sống con người - văn hóa sinh thái

Là một người sống gần gũi với thiên nhiên, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, trồng cây gây rừng. Dù là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng hay khi chỉ là một người dân bình thường, Người vẫn chỉ chọn cho mình lối sống chan hòa với thiên nhiên: “làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu”⁽¹⁵⁾. Trên thực tế, loại hình văn hóa này đã được Hồ Chí Minh bắt đầu nói đến vào cuối những năm 50 đầu những năm 60 của thế kỷ trước khi Bác chính là người đầu tiên khởi xướng phong trào “Tết trồng cây” với mục đích rất thiết thực: “vừa cây ăn quả, cây có hoa, vừa cây làm cột nhà. Và trong mười năm, nước ta phong cảnh sẽ ngày càng tươi đẹp hơn, khí hậu điều hoà hơn, cây gỗ đầy đủ hơn. Điều đó sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống của nhân dân ta”⁽¹⁶⁾. Trong *Di chúc*, Người trở lại vấn đề này với một tình cảm rất đỗi riêng tư mà thành dòng chảy tư duy của thời đại. Thật sâu sắc và cảm động khi đọc lại những dòng đầy tâm huyết được viết ra từ tận tâm can, đáy lòng Hồ Chí Minh: “Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chử là “hoả táng”. Tôi mong rằng cách “hoả táng” dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất,... Trên mộ, nên xây một cái nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi. Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy”⁽¹⁷⁾. Dù không còn trên đời này, Người vẫn luôn nghĩ đến nhân dân, đến thuận lợi cho người sống: “Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp”⁽¹⁸⁾. Đối với Hồ Chí Minh, chết đi là sự *hóa thân*, không phải là sự mất đi một cách vô ích mà là một sự bắt đầu mới và là một hành động làm *tái sinh* sự sống cho các thế hệ tương lai. Có lẽ vì vậy mà Hồ Chí Minh đã được tiến sĩ Amét - nguyên Giám đốc UNESCO khu vực châu Á Thái Bình Dương ca ngợi là người mà “trở thành *huyền thoại* ngay từ khi còn sống” và “thuộc lớp người đặc biệt mà cái chết lại

gieo mầm cho sự sống”⁽¹⁹⁾ theo cách nói của lãnh tụ Cu-ba Phi-đen-Cat-xơ-rô.

Mỗi câu, mỗi chữ của *Di chúc* dồn nén bao cảm xúc, chứa chan bao tình yêu và sự gắn bó sâu xa với thiên nhiên, con người và cuộc đời. Trong thời đại hiện nay, khi mà mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên đang ngày càng trở nên xấu đi do những hành động phá hoại tự nhiên của con người, môi trường sống của con người đang bị ô nhiễm nghiêm trọng với các vấn đề toàn cầu như sự nóng lên của trái đất, hiệu ứng nhà kính, rác thải nhựa, biến đổi khí hậu, nước biển dâng,...; mối quan hệ giữa con người với con người cũng đang bị xuống cấp (chiến tranh xung đột sắc tộc, tôn giáo, vũ khí hủy diệt,...) mới thấy rằng những điều Hồ Chí Minh đã căn dặn trong *Di chúc* không hề cũ kĩ, lỗi thời, trái lại, nó vẫn giữ nguyên tính thời sự, tính hiện đại, định hướng cho nhân loại xây dựng một thế giới bình yên, văn minh.

Có thể nói, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chúc thư của một lãnh tụ thiên tài, một nhà cách mạng lỗi lạc có tầm nhìn xa trông rộng, một chiến sĩ cộng sản suốt đời yêu thương, trân trọng con người, phấn đấu hy sinh vì tự do, hạnh phúc của con người. Những điều căn dặn và mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong bản *Di chúc* thật giản dị nhưng vô cùng sâu sắc, nhân văn. Chính vì vậy, bản *Di chúc* của Người trở thành một tác phẩm bất hủ, còn chính Người trở thành nhà tư tưởng lớn của thời đại. Những tư tưởng lớn, những phẩm chất đạo đức trong sáng tuyệt vời và chủ nghĩa nhân văn cộng sản tỏa sáng trong *Di chúc* mãi mãi là nguồn sức mạnh tinh thần dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trên con đường xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

(1), (2), (3), (4), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (17), (18) Hồ Chí Minh toàn tập (2011), T15, Nxb.CTQG, H., tr.618, 612, 623, 616, 622, 616, 616, 616, 616, 616-617, 617, 617, 617, 613, 613.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H., 2016, tr.202.

(15) Hồ Chí Minh toàn tập (2011) *Sđđ*, T4, tr.187.

(16) Hồ Chí Minh toàn tập (2011) *Sđđ*, T12, tr. 337-338.

(19) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh* (1970), T1, Nxb. Sự thật, H., tr.27.